TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2023/KDTM-PT
Ngày: 29-8-2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/8/2023 và ngày 29/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2023/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần X;

Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Mai A, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy A1, chức vụ: Kế toán (có mặt); Địa chỉ: Số E, Tổ B, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền ngày 14/8/2023).

- Bị đơn: Công ty TNHH X;

Địa chỉ trụ sở chính: Số F, đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng A2, chức vụ: Giám đốc (có mặt);

Địa chỉ thường trú: D.001, C/C N, phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ cư trú: CH C, Tòa T, C/c Sài Gòn P, 92 N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty TNHH X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Công ty Cổ phần X có bà Nguyễn Thị Thúy A1 là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 29/10/2018, Công ty Cổ phần X (gọi tắt là Công ty X) có cung cấp và bơm bê tông tươi cho Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) để thi công công trình Bệnh viện Q tại thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Giữa hai Công ty đã ký Hợp đồng kinh tế số: 18/2018/HĐKT-MK-HAK ngày 29/10/2018. Sau khi thực hiện hợp đồng thì hai bên có xác nhận công nợ vào ngày 30/3/2020, theo đó Công ty X còn nợ Công ty X số tiền 252.105.000 đồng. Công ty X đã liên hệ nhắc nhở nhiều lần nhưng đến nay Công ty X không thanh toán.

Công ty X yêu cầu Công ty X trả số tiền còn nợ là 252.105.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 30/3/2020 đến ngày 13/4/2023 là 36 tháng 13 ngày, số tiền lãi làm tròn là 76.228.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 328.333.000 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH X có bà Trịnh Phương T là người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà T đại diện cho Công ty X thống nhất lời trình bày của phía Công ty X về quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng và số tiền còn nợ đến ngày 30/3/2020 là 252.105.000 đồng. Công ty X đồng ý trả số tiền còn nợ là 252.105.000 đồng.

Đối với tiền lãi thì bà T thống nhất mức lãi suất thỏa thuận là 0,83%/tháng, thống nhất thời gian tính lãi kể từ ngày 30/3/2020. Việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền lãi đến ngày 14/3/2023 được làm tròn là 76.228.000 đồng là đúng. Tuy nhiên, do hiện nay Công ty X gặp khó khăn về tài chính, do chủ đầu tư của dự án Bệnh viện Q tại thành phố H (nay là Công ty TNHX Bệnh viện X) chưa thanh toán hợp đồng. Đồng thời nội bộ Công ty X đang sắp xếp lại nhân sự, cụ thể là người đại diện theo pháp luật nên chưa đưa ra được ý kiến đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần X và Công ty TNHH X về việc Công ty TNHH X có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần X số tiền 252.105.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X. Buộc Công ty TNHH X trả cho Công ty Cổ phần X số tiền lãi là 76.228.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH X phải chịu số tiền 16.417.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

- Trả lại cho Công ty Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.988.000 đồng (Bảy triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014962, ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2023 ông Trần Nguyễn Quốc B đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH X đã kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (viết tắt là bản án sơ thẩm), yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và các nội dung kháng cáo của Công ty X. Với lý do: Không đồng ý về thời điểm tính lãi suất, không tính lãi suất trong thời gian xảy ra dịch bệnh, không đồng ý mức lãi suất 10%/năm; Bà Trịnh Phương T chỉ được Công ty X ủy quyền tham dự phiên tòa sơ thẩm ngày 13/4/2023 chứ không giao quyền quyết định thể hiện trong Giấy ủy quyền ngày 12/4/2023; Công ty X có sự điều chỉnh, thay đổi nhân sự là đại diện theo pháp luật của Công ty, nên chưa đưa ra ý kiến về việc trả lãi chậm thanh toán; Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm đã không đưa Công ty TNHH X tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vì Công ty X mua bê tông tươi của Công ty X để thi công công trình Bệnh viện Q do Công ty TNHH X làm chủ đầu tư nhưng đến nay chưa được thanh toán hợp đồng thi công, Tòa án cấp sơ thẩm không tạo điều kiện cho bị đơn được hòa giải trực tiếp với nguyên đơn và đã tống đạt bản án sơ thẩm trễ cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hoàng A2 đại diện hợp pháp cho bị đơn Công ty TNHH X và chị Nguyễn Thị Thúy A1 đại diện hợp pháp nguyên đơn Công ty Cổ phần X thống

nhất thỏa thuận với nhau. Theo đó, Công ty X có nghĩa vụ trả số tiền mua hàng hóa còn nợ là 252.105.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 38.114.000 đồng (do phía nguyên đơn thống nhất giảm 50% lãi suất chậm thanh toán cho bị đơn, 76.228.000 đồng/2).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH X thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty X và đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty X tại phiên tòa phúc thẩm, theo đó bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền mua hàng hóa còn nợ là 252.105.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 38.114.000 đồng; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty X; Sửa một phần bản sơ thẩm theo sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa và sửa án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn Công ty TNHH X không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc Công ty X nộp Đơn kháng cáo ngày 28/4/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty X thỏa thuận giao kết hợp đồng cung cấp và bơm bê tông tươi cho Công ty X để thi công công trình Bệnh viện Q tại thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Giữa hai Công ty đã ký Hợp đồng kinh tế số: 18/2018/HĐKT-MK-HAK ngày 29/10/2018 (còn viết tắt là hợp đồng). Sau khi thực hiện xong hợp đồng thì hai bên có xác nhận công nợ vào ngày 30/3/2020, theo đó Công ty X còn nợ Công ty X số tiền 252.105.000 đồng. Do Công ty X

không thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty X đúng hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là bê tông tươi.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty X, theo đó buộc bị đơn Công ty X có trách nhiệm trả cho Công ty X số tiền mua hàng hóa còn nợ là 252.105.000 đồng là có cơ sở, việc này đã được các đương sự thống nhất thừa nhận. Về lãi suất chậm thanh toán, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty X và đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty X thống nhất thỏa thuận, nguyên đơn thống nhất giảm 50% lãi suất chậm thanh toán cho bị đơn, theo đó bị đơn chỉ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán là 38.114.000 đồng (76.228.000 đồng/2), xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty X; Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận giữa các đương sự và sửa án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Do án sơ thẩm bị sửa, kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH X được chấp nhận một phần, nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH X;

2. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm;

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 148, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 246, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 319 Luật

Thương mại năm 2005; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần X và Công ty TNHH X về việc Công ty TNHH X có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần X số tiền nợ gốc là 252.105.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 38.114.000đ (Ba mươi tám triệu một trăm mười bốn nghìn đồng).

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH X phải chịu 14.511.000đ (Mười bốn triệu năm trăm mười một nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.988.000đ (Bảy triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014962, ngày 29/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Công ty TNHH X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), theo biên lai thu số 0000806, ngày 16/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TKT (Quang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi